TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **86**/2018/HNGĐ-ST Ngày 12 - 7 - 2018 V/v Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hữu Đoàn

Ông Phạm Văn Hiền

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Mộng Chi, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2018/TLST/HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 về việc ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2018/QĐST - HNGĐ ngày 12/6/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Q, sinh năm 1985
Cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh L, sinh năm 1984
Cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh L và chị Q kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn ngày 18/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2017 thì anh chị ly thân cho đến nay. Lý do ly thân là do mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ nguyên nhân do anh L tham gia cờ bạc (đánh bài ăn thua bằng tiền, đánh số đầu – đuôi), chị khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh L không bỏ, ngược lại anh L còn kiếm chuyện gây gỗ đập phá tài sản trong gia đình. Nghiêm trọng hơn mỗi lần anh L uống rượu vào là kiếm chuyện gây gỗ

chưởi mắn xúc phạm đến chị và gia đình nhà chị. Thấy không thể duy trì cuộc sống chung và hạnh phúc nên chị Q yêu cầu được ly hôn với anh L.

Con chung: V, sinh ngày 12/02/2014 do chị Q đang trực tiếp chăm sóc; chị Q yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi con.

Cấp dưỡng cho con: Chị Q yêu cầu anh L cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ; phương thức cấp dưỡng hàng tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Chị Q, anh L không yêu cầu Tòa án phân chia.

Nợ chung: Chị Q xác định không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện U Minh triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên hòa giải, xét xử sơ thẩm nhưng anh L không đến; theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] *Hôn nhân*: Chị Q và anh L kết hôn năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống đến đầu năm 2017 thì ly thân cho đến nay. Tại phiên tòa chị Q cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh chị ly thân đã hơn 01 năm không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau; anh L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột anh L từ ngày ly thân đến nay; hiện tại tình cảm thương yêu vợ chồng không còn, từ những nguyên nhân trên chị Q yêu cầu được ly hôn với anh L.

Anh L đã nhận được triệu tập của Tòa án đến giải quyết vấn đề hôn nhân của anh với chị Q nhưng anh L không đến và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Q. Điều này đã chứng minh anh L không muốn đoàn tụ; do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q.

[3] *Con chung*: V, sinh ngày 12/02/2014 do chị Q đang trực tiếp chăm sóc; chị Q yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi con. Yêu cầu này của chị Q phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Cấp dưỡng cho con: Chị Q yêu cầu anh L cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ; phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị Q xác định: Hiện tại chị làm nghề may, mỗi tháng thu nhập khoảng 5.000.000đồng còn anh L thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000đ. Công việc thu nhập của anh L có từ việc đi ghe vận tải biển. Gia đình của anh L hiện nay có ghe tải biển chuyên tải thuê hải sản biển của các ghe đánh bắt từ ngoài khơi vào đất liền việc vận tải này do anh L thực hiện; gia đình anh L hiện nay chỉ có anh L và cha mẹ anh L.

Xét thấy yêu cầu của chị Q là phù hợp với điều kiện thu nhập kinh tế thực tế của anh L và phù hợp với quy định của pháp luật về việc cấp dưỡng cho con; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q về mức cấp dưỡng và phương thức cho con.

[4] *Tài sản chung*: Chị Q, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] *Nợ chung*: Chị Q xác định không.

[6] *Án phí*: Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, chị Q phải chịu án phí dân sự về hôn nhân.

Điểm a khoản 6 Điều 27 – Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hoặc một lần theo quyết định của Tòa án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do đó anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng cho con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; khoản 2 Điều 81; Điều 83 - Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: - *Hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của chị Q, chị Q ly hôn với anh L.

Con chung: V, sinh ngày 12/02/2014 giao cho chị Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Cấp dưỡng cho con: Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho V mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng); thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi V đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Trường hợp anh L chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con thì hàng tháng anh L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại điều 468 – Bộ luật dân sự 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân chị Q phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0011910 ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh; chị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng cho con anh L phải chịu 300.000 đồng.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã Khánh Lâm;
- VKSND huyện U Minh;
- THA DS huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án U Minh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trịnh Xuân Miễn